TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-3-2023
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Huy Hoàng.**

2. Ông **Đặng Văn Ẩn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 709/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bạch T**, sinh năm: 1981. Địa chỉ: A ấp Trường X, xã Trường H, thị xã Hòa Th, tỉnh Tây N (vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: A ấp B, xã Phạm Văn H, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 10/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh H bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh vào ngày 01/02/2005. Sau khi cưới vợ chồng sống chung tại 6D6 ấp 6 xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh.

Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, không có gì xảy ra. Sau đó đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống với nhau về tiền bạc, ông H có tính vũ phu thường xuyên đánh

đập bà. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay, bà mang con Nguyễn Thanh S về sống chung với cha mẹ ruột bà tại A ấp Trường X, xã Trường H, thị xã Hòa Th, tỉnh Tây N.

Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có hai con chung tên Nguyễn Thanh Q (nam), sinh ngày 11/6/2006 và Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 01/5/2015. Hiện nay trẻ S đang sống với bà ở Tây Ninh, còn trẻ Q đang sống với ông H tại A ấp B, xã Phạm Văn H, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh H

2. Về con chung: Ông Nguyễn Thanh H sẽ là người được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh Q (nam). Bà sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh S (nam). Hai bên không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

3. Về tài sản chung: Bà xác nhận không có.

4. Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Tại bản tự khai ngày 09/02/2023, bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Bạch T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2004, tự quen biết, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh vào năm 2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Nhưng đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc mỗi người sống mỗi nơi. Nay xét thấy vợ chồng mâu thuẫn không hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Q (nam), sinh ngày 11/6/2006 và Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 01/5/2015. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Q, ông đồng ý giao trẻ S cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không bên nào cấp dưỡng nuôi con, hiện tại trẻ Q đang sống với ông và trẻ S đang sống với bà T.

- Tài sản chung: Ông xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông xác nhận không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bạch T đối với ông Nguyễn Thanh H; Về con chung: giao trẻ Nguyễn Thanh S (nam), sinh

ngày 01/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Bạch T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao trẻ Nguyễn Thanh Q (nam), sinh ngày 11/6/2006 cho ông Nguyễn Thanh H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tài sản chung: không có; Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Bạch T nộp đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Thanh H. Ông Nguyễn Thanh H hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Nguyễn Thanh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Nguyễn Thanh H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 01/02/2005 do Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Nguyễn Thanh H có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Nguyễn Thanh H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9, 10, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông H không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà T thì giữa bà và ông H bất đồng quan điểm nên giữa bà và ông H không chia sẻ được với nhau các vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Đồng thời ông Nguyễn Thanh H cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Bạch T vì tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bạch T đối với ông Nguyễn Thanh H.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Nguyễn Thanh H có 2 con chung tên là Nguyễn Thanh Q (nam), sinh ngày 11/6/2006 và Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 01/5/2015. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Sang, còn ông H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Quang, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Ông H đồng ý giao trẻ S cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, bà T cũng đồng ý giao trẻ Q cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời, ý kiến của trẻ S muốn sống chung với bà T, còn trẻ Q muốn sống chung với ông H nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao trẻ Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 01/5/2015 cho bà T trực

tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao trẻ Nguyễn Thanh Q (nam), sinh ngày 11/6/2006 cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với hai bên cho đến khi hai bên có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Nguyễn Thanh H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do bà T là nguyên đơn trong vụ án nên bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bạch T đối với ông Nguyễn Thanh H.

Bà Nguyễn Thị Bạch T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 01/02/2005 do Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Nguyễn Thanh H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bạch T với ông Nguyễn Thanh H có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh Q (nam), sinh ngày 11/6/2006 và Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 01/5/2015.

Bà Nguyễn Thị Bạch T được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thanh Sang; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Thanh H.

Ông Nguyễn Thanh H được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thanh Q; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà Nguyễn Thị Bạch T.

Bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Nguyễn Thanh H đều có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền

thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông H đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T và ông H đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bạch T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Nguyễn Thị Bạch T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0041382 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Bạch T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Hai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

2 000006 422200

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định